



## Mối liên hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại ở châu Á

LÊ ANH TUẤN<sup>a</sup>, PHẠM THỊ KIỀU KHANH<sup>b, \*</sup>

<sup>a</sup> Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

<sup>b</sup> Trường Đại học Quy Nhơn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 13/03/2022 Ngày nhận lại: 01/05/2022 Duyệt đăng: 19/05/2022</p> <p><b>Mã phân loại JEL:</b> G21; D81.</p> <p><b>Từ khóa:</b> Rủi ro địa chính trị; Ổn định tài chính; Hệ thống ngân hàng; châu Á.</p> <p><b>Keywords:</b> Geopolitical risks; Financial stability; Banking system; Asia.</p>	<p>Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng tại các quốc gia châu Á. Sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 776 ngân hàng thương mại ở 8 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2006–2019, nhóm tác giả tìm thấy rủi ro địa chính trị có ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định tài chính của ngân hàng. Kết quả nghiên cứu khá chắc chắn với phương pháp ước lượng GMM để giảm thiểu ảnh hưởng của vấn đề nội sinh. Mô hình nghiên cứu bổ sung thêm các biến tương tác, điều này sẽ giúp phản ánh chính xác hơn vai trò của các nhân tố trung gian như: Quy mô ngân hàng, tỷ lệ vốn đối với mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng. Kết quả kiểm định cho thấy ảnh hưởng trái chiều của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính nghiêm trọng hơn ở các ngân hàng có quy mô nhỏ và vốn ít.</p> <p><b>Abstract</b></p> <p>This research examines the influence of geopolitical risks on the financial stability of the banking system in Asian countries. Using a sample of 776 commercial banks in 8 Asian countries from 2006 to 2019, the authors find that geopolitical risk has a negative impact on bank stability. The research results are robust to the GMM estimation method to eliminate endogeneity caveats. The authors also employ interactive variables, which help reflect accurately the role of moderating factors such as bank size and the capital ratio on the</p>

\* Tác giả liên hệ.

Email: [luan.le@isb.edu.vn](mailto:luan.le@isb.edu.vn) (Lê Anh Tuấn), [phamthieukieukhanh@qnu.edu.vn](mailto:phamthieukieukhanh@qnu.edu.vn) (Phạm Thị Kiều Khanh).

Trích dẫn bài viết: Lê Anh Tuấn, & Phạm Thị Kiều Khanh. (2022). Mối liên hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại ở châu Á. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 33(8), 82–101.

association between geopolitical risk and bank financial stability. The test results show that the negative effect of geopolitical risk on bank financial stability is more severe in banks with small sizes and low capital rates.

## 1. Giới thiệu

Để thực hiện đúng vai trò trung gian tài chính và điều tiết lưu thông tiền tệ, các ngân hàng phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về độ tin cậy và đặc biệt là sự ổn định tài chính. Crockett (1997) cho rằng sự bùng nổ của các cuộc khủng hoảng trong hệ thống tài chính quốc gia có liên quan đến sự ổn định tài chính tại các ngân hàng. Borio (2003) lập luận rằng có hai cách tiếp cận để đảm bảo sự ổn định tài chính, đó là mô hình các yếu tố an toàn vĩ mô và vi mô, trong đó có rủi ro địa chính trị. Caldara và Iacoviello (2018) định nghĩa rủi ro địa chính trị là “rủi ro liên quan đến chiến tranh, hành động khủng bố và căng thẳng giữa các quốc gia ảnh hưởng đến quá trình bình thường và hòa bình của quan hệ quốc tế”.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kiểm định ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng châu Á bởi vì một số lý do như sau:

- Thứ nhất, theo thống kê từ Chỉ số Khủng bố Toàn cầu (Hyslop & Morgan, 2014), các nước châu Á đang phải đối mặt với sự gia tăng đáng kể các cuộc tấn công khủng bố trong thời gian vừa qua. Năm 2002, khu vực chỉ bị ảnh hưởng bởi 106 vụ khủng bố, nhưng sau đó gia tăng 720%, đạt ngưỡng 870 vụ tấn công vào năm 2016 (Le & Tran, 2021).

- Thứ hai, trong bối cảnh hậu khủng hoảng tài chính, việc củng cố sự ổn định tài chính của các ngân hàng ở châu Á có ý nghĩa quan trọng. Vinayak và cộng sự (2016) nhấn mạnh rằng hiệu quả hoạt động của ngân hàng ở châu Á cao hơn nhiều so với phần còn lại của thế giới.

Do đó, thật sự rất quan trọng và cần thiết để xem xét liệu rằng rủi ro địa chính trị gây ra bởi những bất ổn liên quan đến sự kiện địa chính trị, như tấn công khủng bố ảnh hưởng như thế nào đến sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng tại châu Á. Bên cạnh đó, nhóm tác giả xem xét vai trò điều tiết của quy mô ngân hàng và vốn trong mối quan hệ này.

Với tầm quan trọng ngày càng tăng của rủi ro địa chính trị trên toàn cầu, một số nghiên cứu trong và ngoài nước đã tập trung vào tác động rủi ro địa chính trị đến giá cổ phiếu (Balcilar và cộng sự, 2018), tín dụng ngân hàng (Demir & Danisman, 2021), hiệu quả hoạt động của ngân hàng (Alsagr & Almazor, 2020), chính sách nắm giữ tiền mặt (Kotcharin & Maneenop, 2020; Wang và cộng sự, 2021). Nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy rủi ro địa chính trị có tác động làm giảm quy mô cho vay (Zhou và cộng sự, 2020), giảm khả năng sinh lời (Lee & Lee, 2019), và tác động tiêu cực đến các chỉ số hoạt động của ngân hàng (Belkhir và cộng sự, 2019). Phan và cộng sự (2021) đưa ra bằng chứng tồn tại mối quan hệ trái chiều giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng ở Mỹ. Tuy nhiên, chưa có nhiều tác giả chú ý đến ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đối với sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng ở tầm đa quốc gia. Ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị có thể khác nhau đối với bản chất kinh tế của mỗi khu vực. Nghiên cứu của nhóm tác giả là nghiên cứu đầu

tiền sử dụng mẫu bao gồm các ngân hàng ở 8 quốc gia khu vực châu Á và bổ sung một số đóng góp quan trọng cho các nghiên cứu hiện có. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, bổ sung bằng chứng thực nghiệm rằng rủi ro địa chính trị làm suy giảm sự ổn định tài chính của ngân hàng. Bên cạnh đó, nhóm tác giả sử dụng dữ liệu từ 8 quốc gia ở khu vực châu Á, đây là những quốc gia chưa có nhiều nghiên cứu về bằng chứng thực nghiệm ở thời điểm hiện tại.

- *Thứ hai*, thông qua các biến tương tác, nghiên cứu này bổ sung bằng chứng thực nghiệm trong việc phản ánh chính xác hơn vai trò của các nhân tố trung gian đối với mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng. Nhóm tác giả cũng khẳng định vai trò quan trọng của quy mô ngân hàng và tỷ lệ vốn sẽ hỗ trợ ngân hàng giảm thiểu những tác động của rủi ro địa chính trị đối với sự ổn định tài chính. Vì vậy, bằng chứng thực nghiệm sẽ hữu ích cho các nhà quản lý ngân hàng trong việc xây dựng những chính sách và quyết định phù hợp, giúp ngân hàng vượt qua những giai đoạn bất ổn về địa lý và chính trị để nâng cao sự ổn định tài chính trong dài hạn.

Các nội dung tiếp theo của nghiên cứu bao gồm: Phần 2 tổng quan các nghiên cứu và giả thuyết; phần 3 thảo luận về phương pháp nghiên cứu; phần 4 trình bày kết quả thực nghiệm; và cuối cùng là phần 5, kết luận.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết

Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2008–2009, vấn đề ổn định tài chính trong hệ thống ngân hàng của các quốc gia ngày càng trở thành trọng tâm trong các cuộc thảo luận khoa học của các nhà nghiên cứu từ các quốc gia khác nhau. Sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng đòi hỏi sự ổn định của thể chế, ổn định của thị trường, không có căng thẳng và ít biến động chính trị giữa các quốc gia (Akadiri và cộng sự, 2019; Alsagr & Almazor, 2020; Cheng & Chiu, 2018; Das và cộng sự, 2019). Brunnermeier và Pedersen (2008) chỉ ra rằng, để đối phó với sự bất ổn định từ môi trường kinh doanh, các ngân hàng có xu hướng yêu cầu phần bù rủi ro bổ sung, thậm chí một số tổ chức tài chính phải rời khỏi thị trường.

Một số nghiên cứu cho thấy các ngân hàng ở các khu vực có rủi ro địa chính trị cao thường có xu hướng giảm quy mô cho vay (Hu & Gong, 2019). Nguyên nhân là do rủi ro địa chính trị làm dòng vốn đi vào giảm, từ đó ảnh hưởng đến nguồn cung tín dụng trong nước (Zhou và cộng sự, 2020). Lee và Lee (2019) đều phát hiện có mối tương quan ngược chiều giữa rủi ro chính trị và lợi nhuận của các ngân hàng. Belkhir và cộng sự (2019) xác định tác động tiêu cực giữa rủi ro chính trị và các chỉ số hoạt động ngân hàng. Kết quả nghiên cứu của Alsagr và Stefan (2020) cũng cho thấy tác động tiêu cực đáng kể của rủi ro địa chính trị đối với khả năng sinh lời của ngân hàng. Phan và cộng sự (2021) chỉ ra sự bất ổn định dẫn đến gia tăng bất cân xứng thông tin, khiến người cho vay khó phân biệt người vay tốt và người vay xấu; và do đó làm giảm quy mô cho vay, đầu tư và hiệu quả kinh tế. Rủi ro địa chính trị là một dạng không chắc chắn vì nó đo lường khả năng xảy ra các hành động khủng bố, chiến tranh và căng thẳng giữa các quốc gia. Chính vì vậy, khi rủi ro địa chính trị càng cao, sức khỏe tài chính của hệ thống ngân hàng càng giảm.

Xét trên góc độ khách hàng, bất ổn định địa chính trị có thể dẫn đến việc hủy bỏ hoặc trì hoãn các khoản đầu tư của các doanh nghiệp trong nước. Những cú sốc đó có khả năng làm gia tăng nỗi sợ hãi và niềm tin của người tiêu dùng. Điều này sẽ làm giảm nhu cầu đầu tư, vốn chủ yếu được tài trợ bằng các khoản vay tiêu dùng và thế chấp. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sinh lời của ngân

hàng, dẫn đến sự biến động thu nhập cao hơn. Kết quả là ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ đổ vỡ và mất khả năng thanh toán cao hơn (Brandt & Gao, 2019; Demir & Danisman, 2021). Tổng hợp lại, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết đầu tiên như sau:

- *Giả thuyết H1: Rủi ro địa chính trị làm suy giảm sự ổn định tài chính của ngân hàng.*

Một số nghiên cứu trước đây cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của quy mô ngân hàng trong việc giải thích tác động của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của ngân hàng. Phan và cộng sự (2021) xác nhận rằng tác động bất lợi của rủi ro địa chính trị đối với sự ổn định của ngân hàng ít rõ ràng hơn đối với nhóm ngân hàng lớn. Trong hầu hết các nghiên cứu, quy mô tổng tài sản thường được sử dụng là một trong các nhân tố nội tại tác động đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng (Batten & Vo, 2019; Dietrich & Wanzenried, 2011). Sử dụng độ lệch chuẩn của ROE như là một thước đo chính cho rủi ro của ngân hàng, DeYoung và Rice (2004) cho thấy rằng các ngân hàng có quy mô vừa và nhỏ có mức độ cao hơn về rủi ro so với các ngân hàng có quy mô lớn. Điều này có thể được giải thích bởi các ngân hàng lớn có khả năng đa dạng hóa danh mục đầu tư, từ đó giảm thiểu rủi ro tốt hơn so với các ngân hàng nhỏ (Brown & Dinç, 2011).

Khi xét đến khía cạnh nợ xấu, Hu và cộng sự (2004) lập luận rằng các ngân hàng lớn sẽ có nhiều nguồn lực hơn để xác định chất lượng các khoản vay, từ đó có thể giúp giảm thiểu các khoản nợ xấu. De Haan và Poghosyan (2012a) chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa quy mô ngân hàng và sự ổn định tài chính. Võ Xuân Vinh và Mai Xuân Đức (2020) ủng hộ kết quả bằng cách đưa ra bằng chứng rằng quy mô ngân hàng có tác động dương đến sự ổn định tài chính của 31 ngân hàng ở Việt Nam. Nhìn chung, các ngân hàng quy mô lớn thường có nhiều nguồn lực hơn để đánh giá và xử lý các khoản vay. Những điều này có thể cải thiện chất lượng các khoản cho vay và do đó giảm tỷ lệ nợ xấu một cách hiệu quả. Vì vậy, nhóm tác giả kỳ vọng vào mối quan hệ ngược chiều giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng sẽ rõ ràng hơn đối với các ngân hàng có quy mô nhỏ. Cụ thể, giả thuyết nghiên cứu thứ hai được đưa ra như sau:

- *Giả thuyết H2: Ảnh hưởng trái chiều của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của ngân hàng nghiêm trọng hơn đối với các ngân hàng có quy mô nhỏ.*

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, vốn chủ sở hữu chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng nguồn vốn nhưng lại có vai trò rất quan trọng. Nhiều nghiên cứu cũng đưa ra kết quả mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa quy mô vốn chủ sở hữu với chỉ số xác suất vỡ nợ, tức là khi quy mô vốn chủ sở hữu tăng thì mức độ ổn định tài chính của ngân hàng tăng (Davydov và cộng sự, 2021; Pathan, 2009; Zheng & Cronje, 2019). Theo Anginer và cộng sự (2018b), vốn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm rủi ro hệ thống của các ngân hàng. Các ngân hàng có quy mô vốn ít dễ bị tổn thương từ những cú sốc bên ngoài. Nâng cao tỷ lệ vốn chủ sở hữu giúp tăng khả năng chịu đựng khi tổn thất phát sinh từ các rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là rủi ro tín dụng, qua đó, có thể thúc đẩy tăng trưởng tín dụng để thu về lợi nhuận cao hơn (Berger, 1995). Phan và cộng sự (2021) ghi nhận rằng các ngân hàng vốn hóa tốt dường như ít chịu tác động gây mất ổn định của rủi ro địa chính trị. Như vậy, tỷ lệ vốn càng cao phản ánh khả năng hấp thụ các khoản lỗ tốt hơn, cũng như thể hiện tính ổn định của hệ thống ngân hàng cao hơn khi có rủi ro địa chính trị. Dựa trên dòng lập luận này, nhóm tác giả hình thành giả thuyết nghiên cứu sau:

- *Giả thuyết H3: Ảnh hưởng trái chiều của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của ngân hàng nghiêm trọng hơn đối với các ngân hàng có vốn ít.*

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Dữ liệu

Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại trong khu vực châu Á từ cơ sở dữ liệu của BankFocus; chỉ số rủi ro địa chính trị được trích xuất từ Caldara và Iacoviello (2018). Các chỉ số kinh tế vĩ mô được thu thập từ bộ dữ liệu của Ngân hàng Thế giới (The World Bank – WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund – IMF). Để giảm bớt ảnh hưởng của các giá trị ngoại lai, nghiên cứu này cũng loại trừ những giá trị ở mức 1% trên và dưới cho mỗi biến giá trị liên tục. Sau khi loại bỏ các giá trị bị trống cũng như các ngân hàng thiếu dữ liệu trong ba năm liên tiếp, mẫu của nhóm tác giả bao gồm 776 ngân hàng ở 8 quốc gia châu Á, bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Nga, Hàn Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ với 5.462 quan sát trong giai đoạn 2006–2019.

#### 3.2. Đo lường các biến

##### 3.2.1. Rủi ro địa chính trị

Nhóm tác giả sử dụng thước đo rủi ro địa chính trị được phát triển bởi Caldara và Iacoviello (2018). Để xây dựng chỉ số rủi ro địa chính trị theo tháng, Caldara và Iacoviello (2018) tìm kiếm các từ khóa liên quan đến sự bất ổn định địa lý và chính trị trên những tờ báo lớn của Mỹ, Canada và Anh. Chỉ số rủi ro địa chính trị là tỷ lệ giữa số lượng bài báo liên quan đến sự kiện địa chính trị trên tổng số bài báo trong vòng một tháng, sau đó chuẩn hóa thành giá trị trung bình là 100. Tương tự như Phan và cộng sự (2021), nhóm tác giả sử dụng chỉ số rủi ro địa chính trị (GEO) trung bình của 12 tháng trong năm tài chính để đo lường rủi ro địa chính trị. Để giảm độ nhọn và sự ảnh hưởng của những giá trị ngoại lai như được phát hiện trong những nghiên cứu trước đây (Demir và cộng sự, 2019; Kotcharin & Maneenop, 2020), nhóm tác giả lấy logarit tự nhiên của chỉ số gốc. Tương ứng với phương pháp này, giá trị của GEO càng cao chỉ ra mức độ của rủi ro địa chính trị càng cao.

##### 3.2.2. Sự ổn định tài chính của ngân hàng

Đối với thước đo mức độ ổn định tài chính của ngân hàng, tương tự như những nghiên cứu trước đây (Beck và cộng sự, 2013; Fu và cộng sự, 2014; Laeven & Levine, 2009), nhóm tác giả sử dụng bốn chỉ số: Điểm số Z-score (ZSCORE), độ lệch chuẩn của ROA (SD\_ROA), độ lệch chuẩn của ROE (SD\_ROE), tỷ lệ nợ xấu (NPL). Đầu tiên, ZSCORE đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ. Giá trị ZSCORE càng lớn chứng tỏ sự ổn định tài chính càng cao. Cụ thể, ZSCORE được tính bằng công thức sau:

$$ZSCORE = (ROA + EQ) / SD\_ROA \quad (1)$$

Trong đó,

ROA: Lợi tức trên tổng tài sản;

EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản;

SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA được tính theo chu kỳ ba năm.

Bởi vì ZSCORE có độ nhọn khá lớn, tương tự như Beck và cộng sự (2013), đầu tiên, nhóm tác giả sử dụng logarit tự nhiên của ZSCORE ( $\ln(ZSCORE) = \ln((ROA + EQ) / SD\_ROA)$ ) để làm giảm các giá trị ngoại lai. Thứ hai, nhóm tác giả sử dụng độ lệch chuẩn của lợi tức trên tổng tài sản

(SD\_ROA) và lợi tức trên nguồn vốn (SD\_ROE) được tính theo từng giai đoạn ba năm để đo lường sự ổn định tài chính. Cuối cùng, nhóm tác giả sử dụng tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (NPL) để đo lường sức khỏe tài chính của ngân hàng. Giá trị của SD\_ROA, SD\_ROE, và NPL càng lớn chứng tỏ sự ổn định tài chính càng thấp.

### 3.2.3. Biến kiểm soát

Về các biến kiểm soát, nhóm tác giả sử dụng một số biến ở cấp ngân hàng và cấp vĩ mô, có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của ngân hàng như được đề xuất trong các nghiên cứu trước đây (Beck và cộng sự, 2013; Fu và cộng sự, 2014; Laeven & Levine, 2009), gồm:

- *Quy mô ngân hàng (SIZE)*: Nghiên cứu này sử dụng *SIZE*, là logarit tự nhiên của tổng tài sản. De Haan và Poghosyan (2012b) chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa quy mô ngân hàng và sự ổn định tài chính.

- *Tỷ lệ vốn (EQ)*: Theo Anginer và cộng sự (2018b), vốn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm rủi ro hệ thống của các ngân hàng. Nhóm tác giả dự đoán tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa vốn và sự ổn định tài chính. Nhóm tác giả thêm vào mô hình biến EQ, là tỷ lệ giữa vốn trên tổng tài sản.

- *Dự phòng rủi ro cho vay (LLP)*: Các doanh nghiệp có dự phòng rủi ro cho vay cao hơn có xu hướng có sự ổn định cao hơn, nhóm tác giả thêm vào mô hình biến tỷ lệ giữa dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản (*LLP*).

- *Tỷ lệ tiền gửi của ngân hàng (DEPO)*: Tỷ lệ giữa tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản.

- *Quy mô cho vay (LOANS)*: Tỷ lệ giữa dư nợ cho vay trên tổng tài sản.

- *Tăng trưởng nền kinh tế (GDP)*: Tỷ lệ tăng trưởng GDP. Jiménez và cộng sự (2012) đã chứng minh GDP ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng thông qua các cú sốc chính sách tiền tệ.

- *Lạm phát (INF)*: Tỷ lệ lạm phát. Boyd và cộng sự (2001) chỉ ra ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động cho vay và hoạt động thị trường tài chính của một quốc gia.

### 3.3. Mô hình thực nghiệm

Để kiểm định tác động của rủi ro địa chính trị đối với sự ổn định tài chính, nhóm tác giả xây dựng mô hình sau đây:

$$BS_{i,j,t} = \alpha + BS_{i,j,t-1} + \beta GEO_{j,t} + \eta' X_{i,j,t} + \rho' C_{j,t} + \chi_i + \mu_t + \varepsilon_{i,j,t} \quad (2)$$

Trong đó:

$i, j, t$ : Ký hiệu tương ứng cho ngân hàng, quốc gia, và thời gian (đơn vị là năm);

$\alpha$ : Hằng số;

$\beta, \eta, \rho$ : Hệ số của các biến độc lập trong mô hình;

$\varepsilon_{i,j,t}$ : Sai số ngẫu nhiên;

$X_{i,j,t}$ : Một vector gồm các biến kiểm soát ở cấp độ ngân hàng như: Quy mô ngân hàng, tỷ lệ vốn dự phòng rủi ro cho vay, tỷ lệ tiền gửi của ngân hàng, quy mô cho vay;

$C_{j,t}$ : Một vector gồm các biến kiểm soát ở cấp độ vĩ mô như: Tăng trưởng nền kinh tế, lạm phát;

$\chi_i, \mu_t$ : Một dãy các biến giả để kiểm soát các ảnh hưởng cố định từ các nhân tố ngân hàng, và xu hướng kinh tế biến đổi theo thời gian.

Mô hình (2) nhằm kiểm định ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị lên sự ổn định tài chính của ngân hàng, trong đó, biến phụ thuộc là BS, dùng để đo lường sự ổn định tài chính của ngân hàng, bao gồm 4 biến đo lường: ZSCORE, SD\_ROA, SD\_ROE, và NPL. GEO là chỉ số rủi ro địa chính trị như mô tả ở mục 3.2. Phù hợp với giả thuyết H<sub>1</sub>, nhóm tác giả kỳ vọng mối quan hệ trái chiều giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng. Để giảm thiểu ảnh hưởng của vấn đề nội sinh, nhóm tác giả sử dụng GMM, tương tự như các nghiên cứu thực nghiệm trước đây (Abuzayed và cộng sự, 2018; Sardo & Serrasqueiro, 2017).

## 4. Kết quả thực nghiệm

### 4.1. Thống kê mô tả

Bảng 1 thống kê dữ liệu của toàn mẫu, mô tả dữ liệu sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng và rủi ro địa chính trị theo từng quốc gia. Dễ dàng nhận thấy rằng, Nga chiếm số lượng quan sát nhiều nhất trong mẫu với 2.382 quan sát, trong khi đó, Hàn Quốc có số quan sát ít nhất với 200 quan sát. Kết quả chi tiết cho thấy Thổ Nhĩ Kỳ có chỉ số rủi ro địa chính trị cao nhất (4,931), tiếp đến là Nga (4,852), và thấp nhất là Indonexia với chỉ số GEO là 4,023. Hệ thống ngân hàng ở Trung Quốc, Malaysia và Thái Lan có sự ổn định về mặt tài chính cao, trong khi Thổ Nhĩ Kỳ và Nga có sức khỏe tài chính của hệ thống ngân hàng khá thấp. Đặc biệt hơn, nhóm tác giả thấy có sự tương quan khá cao giữa các biến đo lường, chứng tỏ sự phù hợp để sử dụng các chỉ số này như những thước đo cho ổn định tài chính. Cụ thể, ngân hàng ở Nga có sự ổn định tài chính thấp nhất (ZSCORE = 3,189), tỷ lệ nợ xấu ở quốc gia này cũng cao nhất với 11,5%. Các ngân hàng ở Nga cũng có sự biến động của ROA và ROE cao nhất khu vực. Mức độ biến động tương ứng là 1,4% và 8,3%. Trong khi đó, sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng Trung Quốc khá cao, chỉ số ZSCORE đạt 4,412, tỷ lệ nợ xấu trung bình trong kỳ chỉ 1,7%.

**Bảng 1.**

Phân phối mẫu theo quốc gia

	Số quan sát	Số ngân hàng	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL	GEO
Trung Quốc	1.043	110	4,412	0,002	0,020	0,017	4,795
Ấn Độ	462	98	3,906	0,003	0,041	0,056	4,434
Indonesia	599	113	3,937	0,006	0,049	0,044	4,023
Malaysia	309	66	4,350	0,004	0,022	0,037	4,491
Nga	2.382	276	3,189	0,014	0,083	0,115	4,852
Hàn Quốc	200	44	4,189	0,002	0,023	0,021	4,833
Thái Lan	221	34	4,361	0,003	0,019	0,038	4,473
Thổ Nhĩ Kỳ	246	35	3,880	0,004	0,028	0,045	4,931

*Ghi chú:* ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị.

Bảng 2 thống kê mô tả toàn mẫu cho thấy chỉ số rủi ro địa chính trị trung bình khoảng 4,682, trong đó giá trị lớn nhất là 5,149. Xét đến sự ổn định tài chính, SD\_ROA trung bình của các ngân hàng trong khu vực thấp hơn so với SD\_ROE trung bình. ZSCORE bình quân đạt 3,746 và tỷ lệ nợ xấu bình quân của các ngân hàng trong mẫu nghiên cứu là 6,9%. Liên quan đến một số biến kiểm soát khác, thống kê mô tả cho thấy giá trị trung bình của SIZE là 21,254. Các ngân hàng nắm giữ trung bình 15,9% vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, tỷ lệ giữa dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản đạt trung bình 1%. Bên cạnh đó, tỷ lệ giữa tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản là 63,4% và tỷ lệ giữa dư nợ cho vay trên tổng tài sản là 51,8%. Trong mẫu nghiên cứu, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của các quốc gia là 3,545% với mức lạm phát tương ứng là 4,721%.

## Bảng 2.

Thống kê mô tả toàn mẫu

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Trung vị	Giá trị lớn nhất
ZSCORE	3,746	1,234	0,658	3,787	6,574
SD_ROA	0,008	0,015	0,000	0,003	0,070
SD_ROE	0,053	0,110	0,001	0,025	0,402
NPL	0,069	0,125	0,001	0,029	0,744
GEO	4,682	0,329	3,800	4,742	5,149
SIZE	21,254	2,777	15,993	21,463	26,442
EQ	0,159	0,126	0,047	0,116	0,690
LLP	0,010	0,017	-0,025	0,005	0,079
DEPO	0,634	0,200	0,031	0,683	0,891
LOANS	0,518	0,191	0,039	0,545	0,917
GDP (%)	3,545	2,966	-1,973	4,024	8,491
INF (%)	4,721	3,335	-0,003	3,820	15,264

Ghi chú: ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát;

Số quan sát 5.462.

### 4.2. Ma trận tương quan

Nhóm tác giả đã kiểm tra mối tương quan giữa các biến được sử dụng trong nghiên cứu này. Bảng 3 thể hiện hệ số tương quan giữa các biến độc lập. Nhóm tác giả nhận thấy rằng có sự tương quan thấp giữa các biến giải thích của mô hình, vì vậy, đa cộng tuyến không phải là vấn đề nghiêm trọng trong mô hình này. Đáng chú ý, hệ số tương quan giữa GEO với ZSCORE là âm, còn đối với các biến đo lường sự ổn định tài chính còn lại đều có dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết quả này cung cấp bằng chứng sơ bộ rằng tồn tại một mối quan hệ trái chiều giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng tại châu Á.



**Bảng 3.**

Ma trận hệ số tương quan Pearson

Biến quan sát	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
(1) ZSCORE	1,000											
(2) SD_ROA	-0,608***	1,000										
(3) SD_ROE	-0,550***	0,606***	1,000									
(4) NPL	-0,279***	0,341***	0,221***	1,000								
(5) GEO	-0,116***	0,111***	0,049***	0,106***	1,000							
(6) SIZE	0,302***	-0,380***	-0,160***	-0,314***	-0,162***	1,000						
(7) EQ	-0,063***	0,402***	0,031**	0,287***	0,087***	-0,427***	1,000					
(8) LLP	-0,276***	0,230***	0,168***	0,201***	0,125***	-0,167***	0,139***	1,000				
(9) DEPO	0,014	-0,180***	0,003	-0,098***	-0,095***	0,054***	-0,433***	-0,013	1,000			
(10) LOANS	0,115***	-0,151***	-0,061***	-0,224***	-0,221***	0,172***	-0,161***	0,111***	0,153***	1,000		
(11) GDP	0,347***	-0,312***	-0,205***	-0,280***	-0,419***	0,641***	-0,388***	-0,258***	0,068***	0,074***	1,000	
(12) INF	-0,205***	0,156***	0,106***	0,147***	0,223***	-0,360***	0,170***	0,118***	-0,011	0,009	-0,362***	1,000

Ghi chú: ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát;

\*, \*\* và \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

### 4.3. Rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng

Bảng 4 trình bày kết quả ước lượng của nghiên cứu để kiểm định giả thuyết H<sub>1</sub>. Để giảm thiểu ảnh hưởng của vấn đề nội sinh, nhóm tác giả sử dụng mô hình GMM. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng GEO có tác động tiêu cực và đáng kể đối với ZSCORE, hệ số hồi quy của biến GEO là -0,189, giá trị thống kê t đạt -3,364 và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, ủng hộ giả thuyết của nhóm tác giả rằng sự gia tăng rủi ro địa chính trị sẽ làm suy yếu sự ổn định của ngân hàng. Kết quả ở cột (2), (3), (4) cũng phù hợp với giả thuyết đã đưa ra. Cụ thể, hệ số hồi quy của biến rủi ro địa chính trị (GEO) đều có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê, điều này nói lên rằng khi chỉ số GEO càng cao thì sự biến động lợi nhuận lớn hơn và nợ xấu của ngân hàng cũng cao hơn. Mức độ ảnh hưởng có giá trị đáng kể về mặt ý nghĩa kinh tế. Ở cột (4), nhóm tác giả sử dụng biến NPL như một biến phụ thuộc, chỉ số hồi quy của GEO bằng 0,005, chứng tỏ gia tăng 1 độ lệch chuẩn của rủi ro địa chính trị dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ nợ xấu khoảng 2,4% ( $0,005 * 0,329 / 0,069 = 0,024$ ).

Khi xét đến các biến kiểm soát, nhóm tác giả thấy rằng các ngân hàng có quy mô lớn và tỷ lệ dư nợ cho vay cao thì sẽ có tình hình tài chính ổn định hơn. Kết quả này cũng tương tự phát hiện trước đó của DeYoung và Rice (2004), Võ Xuân Vinh và Mai Xuân Đức (2020). Trong khi đó, ngân hàng có tỷ lệ dự phòng rủi ro cho vay (LLP) cao thì phải chịu sự bất ổn định hơn trong tình hình tài chính. Hai biến EQ và DEPO chỉ có tác động tích cực đáng kể đến biến ZSCORE. Các điều kiện về kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng đáng kể đến sự ổn định tài chính của ngân hàng. Cụ thể, INF tác động tích cực đến mức độ ổn định của ngân hàng và có mức ý nghĩa thống kê 1% chỉ ra rằng tỷ lệ lạm phát tác động tích cực đến mức độ ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng ở châu Á.

Đáng chú ý, kiểm định Hansen về tính hiệu lực của mô hình và kiểm định AR(2) – kiểm định tương quan chuỗi 2 bậc cũng được trình bày trong Bảng 4. Kiểm định Hansen cho thấy giá trị p lớn hơn 0,1, nghĩa là giả thuyết ban đầu bị loại bỏ. Do đó, mô hình có tính hiệu lực. Ngoài ra, kiểm định AR(2) cho kết quả giá trị p lớn hơn 0,1, nghĩa là giả thuyết ban đầu về việc không tồn tại mối tương quan chuỗi 2 bậc bị loại bỏ. Do đó, tất cả các kết quả trong GMM hệ thống đều có ý nghĩa.

Tổng hợp tất cả kết quả, nhóm tác giả đưa ra bằng chứng chắc chắn ủng hộ giả thuyết H<sub>1</sub>, rủi ro địa chính trị làm suy giảm sự ổn định tài chính của ngân hàng. Kết quả này phù hợp với phát hiện trước đây của Phan và cộng sự (2021). Điều này có thể được giải thích là nhằm giữ vững vị thế trên thị trường khi có xung đột địa chính trị, như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và bị các tác động lan toả khác, có nhiều ngân hàng đã góp phần tạo nên những cuộc đua lãi suất, những hành động rút tiền gửi ở các khách hàng, gây ra sự bất ổn định tài chính và làm giảm lòng tin của khách hàng vào hệ thống ngân hàng.

#### Bảng 4.

Mối liên hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định của ngân hàng

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
GEO	-0,189*** (-3,364)	0,001** (2,123)	0,009*** (3,286)	0,005*** (3,685)

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
SIZE	0,534*** (7,444)	-0,006*** (-5,883)	-0,040*** (-3,233)	-0,027*** (-3,794)
EQ	4,053*** (9,665)	0,012 (1,243)	-0,035 (-0,426)	0,126** (2,151)
LLP	-10,224*** (-9,660)	0,063*** (2,740)	0,370*** (3,322)	0,394** (2,150)
DEPO	0,682*** (3,130)	-0,004 (-1,328)	0,038 (0,902)	0,015 (0,581)
LOANS	1,233*** (6,826)	-0,011*** (-3,220)	-0,079*** (-3,314)	-0,199*** (-6,851)
GDP	-0,043*** (-3,641)	0,000** (2,242)	-0,001 (-1,093)	0,000 (0,184)
INF	0,038*** (4,642)	-0,000*** (-3,874)	-0,003*** (-4,311)	-0,002*** (-3,080)
Lagged (-1)	0,178*** (8,298)	0,873*** (13,073)	0,870*** (14,117)	0,782*** (10,849)
Hằng số	-10,147*** (-6,382)	0,134*** (6,115)	0,904*** (3,397)	0,643*** (4,137)
Ảnh hưởng cố định từ:				
Ngân hàng	Có	Có	Có	Có
Thời gian	Có	Có	Có	Có
p-value của kiểm định Hansen	0,125	0,228	0,510	0,179
p-value của kiểm định AR(2)	0,598	0,187	0,339	0,236

*Ghi chú:* ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát;

Giá trị trong ngoặc đơn ( ) là giá trị thống kê t;

Biến Lagged (-1) là biến độ trễ thời gian 1 năm của các biến phụ thuộc tương ứng;

Số quan sát: 5.462;

\*, \*\* và \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

#### 4.4. Ảnh hưởng của quy mô ngân hàng

Kết quả kiểm định giả thuyết  $H_2$  được trình bày trong Bảng 5. Nhóm tác giả thêm vào mô hình biến tương quan giữa rủi ro địa chính trị (GEO) và quy mô ngân hàng (SIZE). Kết quả cho thấy rằng, hệ số hồi quy của  $GEO \times SIZE$  trong cột (1) có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, cho thấy mối quan hệ trái chiều giữa GEO và ZSCORE của ngân hàng thì ít nghiêm trọng hơn đối với các ngân hàng có quy mô lớn. Kết quả ở cột (2), (3) và (4) cho thấy biến tương tác đều có giá trị âm và có ý nghĩa thống kê, bằng chứng này thống nhất rằng ngân hàng có quy mô lớn sẽ ít bị ảnh hưởng tiêu cực bởi rủi ro địa chính trị.

Kết quả kiểm định giả thuyết này cho thấy vai trò quan trọng của quy mô ngân hàng trong việc giảm bớt ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính. Khi ngân hàng có quy mô lớn thì sẽ có sự phân tán rủi ro và đa dạng hóa các danh mục đầu tư tốt hơn. Việc giảm các hành vi chấp nhận rủi ro nhờ quy mô ngân hàng sẽ bù đắp tác động gây mất ổn định tài chính do rủi ro địa chính trị gây ra. Bằng chứng tương tự cũng được phát hiện trong một số nghiên cứu trước đây (Davydov và cộng sự, 2021; Pathan, 2009; Zheng & Cronje, 2019). Như vậy, nhóm tác giả phát hiện ra rằng có thể giảm thiểu tác động của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính thông qua việc phát triển quy mô tài sản của ngân hàng.

**Bảng 5.**

Ảnh hưởng của quy mô ngân hàng lên mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
GEO	-0,187*** (-3,287)	0,011** (2,262)	0,004* (1,859)	-0,005 (-0,066)
GEO $\times$ SIZE	0,114*** (3,066)	-0,007** (-2,385)	-0,002** (-2,068)	-0,002*** (-3,251)
SIZE	0,056*** (5,530)	-0,008*** (-4,373)	-0,041** (-2,323)	-0,031* (-1,834)
EQ	4,013*** (9,566)	0,012 (1,260)	-0,035 (-0,426)	0,127** (2,147)
LLP	-10,313*** (-9,773)	0,064*** (2,756)	0,370*** (3,319)	0,394** (2,152)
DEPO	0,666*** (3,055)	-0,004 (-1,304)	0,038 (0,906)	0,015 (0,586)
LOANS	1,186*** (6,573)	-0,011*** (-3,174)	-0,079*** (-3,315)	-0,198*** (-6,862)

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
GDP	-0,035*** (-2,885)	0,000** (1,985)	-0,001 (-1,044)	0,000 (0,126)
INF	0,036*** (4,431)	-0,000*** (-3,728)	-0,003*** (-4,270)	-0,002*** (-3,056)
Lagged (-1)	0,140*** (8,255)	0,673*** (3,278)	0,591*** (12,258)	0,125*** (6,584)
Hằng số	-0,194*** (-5,084)	0,189*** (4,303)	0,926** (2,263)	0,735* (1,878)
Ảnh hưởng cố định từ:				
Ngân hàng	Có	Có	Có	Có
Thời gian	Có	Có	Có	Có
p-value của kiểm định Hansen	0,155	0,263	0,398	0,796
p-value của kiểm định AR(2)	0,758	0,108	0,752	0,180

Ghi chú: ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát;

Số quan sát: 5.462; Giá trị trong ngoặc đơn là giá trị thống kê t;

Biến Lagged (-1) là biến độ trễ thời gian 1 năm của các biến phụ thuộc tương ứng;

\*, \*\* và \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

#### 4.5. Ảnh hưởng của vốn

Kết quả kiểm định giả thuyết  $H_3$  về ảnh hưởng của vốn lên mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng được trình bày trong Bảng 6. Để kiểm định tác động của vốn lên mối quan hệ này, nhóm tác giả bổ sung vào mô hình hồi quy biến tương tác giữa rủi ro địa chính trị (GEO) và vốn ngân hàng (EQ). Kết quả cho thấy rằng, hệ số hồi quy của  $GEO \times EQ$  có giá trị dương ở cột (1), âm ở cột (2), (3), (4) và đều có ý nghĩa thống kê. Bằng chứng này cho thấy mối quan hệ trái chiều giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính ngân hàng sẽ ít đáng kể hơn đối với các ngân hàng có vốn lớn.

Mặc dù vốn chủ sở hữu của ngân hàng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng sẽ giúp ngân hàng chống lại rủi ro phá sản, bù đắp những thua lỗ về tài chính và nghiệp vụ. Vốn chủ sở hữu đóng vai trò là một tấm đệm giúp chống lại rủi ro cho tới khi ngân hàng có thể tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại và đưa ngân hàng trở lại trạng thái hoạt động bình thường. Như vậy, tác động của rủi ro địa chính trị lên sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng châu Á có thể được bù đắp bởi tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu. Kết quả nghiên cứu này củng cố thêm các kết quả nghiên cứu từ Anginer và cộng sự (2018a), Phan và cộng sự (2021).

**Bảng 6.**

Ảnh hưởng của vốn lên mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định của ngân hàng

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
GEO	-0,193*	0,001*	-0,013	0,003**
	(-1,703)	(1,729)	(-0,943)	(2,270)
GEO × EQ	0,028**	-0,014***	-0,008**	-0,001**
	(2,044)	(-3,578)	(-2,246)	(-2,282)
EQ	0,186	-0,053	-0,083**	-0,344*
	(1,376)	(-1,307)	(-2,469)	(-1,855)
SIZE	0,534***	-0,006***	-0,039***	-0,026***
	(7,434)	(-5,735)	(-3,087)	(-3,678)
LLP	-10,224***	0,063***	0,365***	0,391**
	(-9,658)	(2,727)	(3,269)	(2,135)
DEPO	0,682***	-0,004	0,038	0,015
	(3,128)	(-1,311)	(0,915)	(0,595)
LOANS	1,234***	-0,012***	-0,084***	-0,201***
	(6,811)	(-3,313)	(-3,527)	(-6,950)
GDP	-0,043***	0,000**	-0,001	0,000
	(-3,633)	(2,346)	(-0,899)	(0,274)
INF	0,038***	-0,000***	-0,003***	-0,002***
	(4,642)	(-3,928)	(-4,414)	(-3,136)
Lagged (-1)	0,128***	0,583***	0,224**	0,369***
	(5,022)	(9,008)	(2,418)	(6,258)
Hằng số	-10,159***	0,140***	0,982***	0,686***
	(-6,277)	(6,403)	(3,810)	(4,390)
Ảnh hưởng cố định từ:				
Ngân hàng	Có	Có	Có	Có
Thời gian	Có	Có	Có	Có
p-value của kiểm định Hansen	0,758	0,253	0,985	0,536
p-value của kiểm định AR(2)	0,261	0,508	0,100	0,205

*Ghi chú:* ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát;

Số quan sát: 5.462; Giá trị trong ngoặc đơn ( ) là giá trị thống kê t;

\*, \*\* và \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

#### 4.6. Ảnh hưởng của các quy định và giám sát của ngành ngân hàng

Hoạt động của ngành ngân hàng thường bị kiểm soát nghiêm ngặt bởi các quy định, chính sách của nhà nước. Để kiểm tra liệu rằng ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của ngân hàng vẫn không thay đổi sau khi kiểm soát những quy định liên quan đến ngành ngân hàng ở cấp độ quốc gia. Tương tự như nghiên cứu của Barth và cộng sự (2013), Nguyen (2021), nhóm tác giả đưa vào mô hình bốn chỉ số quản lý và giám sát ngân hàng, gồm: (1) Chỉ số hạn chế hoạt động (ACT\_RESTRIC) đo lường mức độ mà một quốc gia hạn chế các ngân hàng tham gia vào các hoạt động chứng khoán, bảo hiểm và bất động sản; (2) chỉ số an toàn vốn (CAP\_STRINGENCY) đo lường mức vốn mà các ngân hàng phải nắm giữ; (3) chỉ số quyền lực giám sát (OFF\_SUP\_POWER) đo lường mức độ mà các cơ quan giám sát ngân hàng của một quốc gia có thẩm quyền thu thập thông tin ngân hàng và thực hiện các biện pháp can thiệp; và (4) chỉ số giám sát của cá nhân (PRI\_MON) đo lường mức độ mà các chính sách quản lý và giám sát của một quốc gia khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân giám sát hoạt động của ngân hàng. Dữ liệu về các chỉ số này được thu thập từ Barth và cộng sự (2013). Kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 7, chỉ ra rằng sau khi kiểm soát ảnh hưởng của các quy định và chính sách giám sát của ngành ngân hàng, rủi ro địa chính trị vẫn ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định tài chính của ngân hàng. Đáng chú ý, những quy định và sự giám sát chặt chẽ của nhà nước góp phần gia tăng sự ổn định tài chính của ngân hàng.

**Bảng 7.**

Ảnh hưởng của các quy định và giám sát của ngành ngân hàng

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
GEO	-0,151** (-2,327)	0,002*** (3,451)	0,011** (2,320)	0,009*** (2,577)
SIZE	0,571*** (7,069)	-0,006*** (-5,587)	-0,044*** (-3,420)	-0,029*** (-3,759)
EQ	4,212*** (9,135)	0,013 (1,168)	-0,074 (-1,378)	0,137** (2,129)
LLP	-11,011*** (-9,613)	0,082*** (3,779)	0,475*** (4,287)	0,457*** (2,622)
DEPO	0,804*** (3,347)	-0,004 (-1,454)	0,020 (0,537)	-0,002 (-0,080)
LOANS	1,265*** (6,012)	-0,013*** (-3,177)	-0,099*** (-3,628)	-0,213*** (-6,708)
GDP	-0,063*** (-4,687)	0,000*** (3,156)	-0,000 (-0,002)	-0,000 (-0,181)

	ZSCORE	SD_ROA	SD_ROE	NPL
	(1)	(2)	(3)	(4)
INF	0,033*** (3,616)	−0,000*** (−3,359)	−0,003*** (−4,484)	−0,001** (−2,137)
ACT_RESTRIC	0,084*** (6,382)	−0,000*** (−3,278)	−0,004*** (−5,849)	−0,001** (−1,966)
CAP_STRINGENCY	0,085*** (3,432)	−0,000 (−1,479)	−0,008*** (−4,824)	−0,001 (−0,836)
OFF_SUP_POWER	0,007 (0,368)	−0,000 (−0,426)	0,000 (0,068)	−0,002* (−1,785)
PRI_MON	0,015** (2,279)	−0,000 (−0,332)	−0,007* (−1,770)	−0,005 (−1,458)
Lagged (−1)	0,259*** (9,125)	0,581** (3,269)	0,410*** (4,008)	0,256*** (5,752)
Hằng số	−11,264*** (−6,270)	0,146*** (6,129)	1,058*** (4,123)	0,754*** (4,421)
Ảnh hưởng cố định từ:				
Ngân hàng	Có	Có	Có	Có
Thời gian	Có	Có	Có	Có
p-value của kiểm định Hansen	0,508	0,678	0,100	0,748
p-value của kiểm định AR(2)	0,110	0,139	0,885	0,625

*Ghi chú:* ZSCORE: Điểm số Z-score (ZSCORE), đo đường khoảng cách của ngân hàng đến mức vỡ nợ; SD\_ROA: Độ lệch chuẩn của ROA; SD\_ROE: Độ lệch chuẩn của ROE; NPL: Tỷ lệ nợ xấu; GEO: Chỉ số rủi ro địa chính trị; SIZE: Quy mô ngân hàng; EQ: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên tài sản; LLP: Dự phòng rủi ro cho vay trên tổng tài sản; DEPO: Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng trên tổng tài sản; LOANS: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP; INF: Tỷ lệ lạm phát; ACT\_RESTRIC: Chỉ số hạn chế hoạt động; CAP\_STRINGENCY: Chỉ số an toàn vốn; OFF\_SUP\_POWER: Chỉ số quyền lực giám sát; PRI\_MON: Chỉ số giám sát của cá nhân;

Số quan sát: 5.462; Giá trị trong ngoặc đơn là giá trị thống kê t;

Biến Lagged (−1) là biến độ trễ thời gian 1 năm của các biến phụ thuộc tương ứng;

\*, \*\* và \*\*\* lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.



## 5. Kết luận

Nghiên cứu này kiểm định ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng ở 8 quốc gia châu Á. Sử dụng mẫu gồm 5.462 quan sát trong giai đoạn 2006–2019, nhóm tác giả đã tìm thấy bằng chứng rằng khi rủi ro địa chính trị càng lớn thì sự ổn định tài chính càng thấp, chứng minh bằng xác suất vỡ nợ, sự biến động lợi nhuận, và tỷ lệ nợ xấu cao hơn. Hơn nữa, nhóm tác giả thấy rằng ảnh hưởng trái chiều của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của ngân hàng nghiêm trọng hơn đối với ngân hàng có quy mô nhỏ và vốn ít.

Những phát hiện trong bài báo này cũng có một số ý nghĩa thực tế. Kết quả của nhóm tác giả sẽ làm tăng niềm tin của các nhà quản lý rằng, để tăng cường sự ổn định tài chính, các ngân hàng cần phải nắm bắt đầy đủ các rủi ro địa chính trị sẽ tác động đến tổ chức của họ. Thậm chí, giải quyết rủi ro liên quan đến địa chính trị nên được xem là một ưu tiên chiến lược. Mặt khác, ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng châu Á có thể được bù đắp bởi tăng trưởng quy mô ngân hàng và tỷ lệ vốn. Để mở rộng kết quả nghiên cứu, các nghiên cứu trong tương lai có thể cân nhắc vai trò điều tiết của các nhân tố quốc gia khác (ví dụ: Văn hóa quốc gia, chất lượng thể chế) trong mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng. Bên cạnh đó, sẽ thú vị hơn nếu đặt rủi ro địa chính trị gắn liền với khẩu vị và khả năng chấp nhận rủi ro của từng ngân hàng. Bằng cách này, chúng ta có thể có cái nhìn sâu sắc hơn về ảnh hưởng của những nhân tố bất ổn định bên ngoài đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Mặc dù, kết quả ước lượng từ mô hình GMM của nhóm tác giả không thay đổi với các phương pháp đo lường sự ổn định tài chính của ngân hàng, để giải quyết tốt hơn vấn đề nội sinh, các nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng những phương pháp tối ưu hơn, ví dụ như: Mô hình hồi quy với biến công cụ, mô hình mẫu kết hợp điểm xu hướng, hoặc mô hình ước lượng khác biệt trong khác biệt (Difference-in-Differences) để đạt được kết quả đáng tin cậy và chắc chắn hơn về ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị và sự ổn định tài chính của ngân hàng.

---

### Tài liệu tham khảo

- Abuzayed, B., Al-Fayoumi, N., & Molyneux, P. (2018). Diversification and bank stability in the GCC. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 57, 17–43.
- Akadiri, S. S., Eluwole, K. K., Akadiri, A. C., & Avcı, T. (2019). Does causality between geopolitical risk, tourism and economic growth matter? Evidence from Turkey. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 43, 273–277.
- Alsagr, N., & Stefan, F. V. H. A. (2020). Oil rent, geopolitical risk and banking sector performance. *International Journal of Energy Economics and Policy*, 10(5), 305–314.
- Anginer, D., Demirgüç-Kunt, A., Huizinga, H., & Ma, K. (2018a). Corporate governance of banks and financial stability. *Journal of Financial Economics*, 130(2), 327–346.
- Anginer, D., Demirgüç-Kunt, A., & Mare, D. S. (2018b). Bank capital, institutional environment and systemic stability. *Journal of Financial Stability*, 37, 97–106.
- Balcilar, M., Bonato, M., Demirel, R., & Gupta, R. (2018). Geopolitical risks and stock market dynamics of the BRICS. *Economic Systems*, 42(2), 295–306. doi: 10.1016/j.ecosys.2017.05.008

- Barth, J. R., Caprio, G., & Levine, R. (2013). Bank regulation and supervision in 180 countries from 1999 to 2011. *Journal of Financial Economic Policy*, 5(2), 111–219.
- Batten, J., & Vo, X. V. (2019). Determinants of bank profitability - Evidence from Vietnam. *Emerging Markets Finance and Trade*, 55(6), 1417–1428.
- Beck, T., De Jonghe, O., & Schepens, G. (2013). Bank competition and stability: Cross-country heterogeneity. *Journal of Financial Intermediation*, 22(2), 218–244.
- Belkhir, M., Grira, J., Hassan, M. K., & Soumaré, I. (2019). Islamic banks and political risk: International evidence. *The Quarterly Review of Economics and Finance*, 74, 39–55.
- Berger, A. N. (1995). The profit-structure relationship in banking-tests of market-power and efficient-structure hypotheses. *Journal of Money, Credit and Banking*, 27(2), 404–431. doi: 10.2307/2077876
- Borio, C. (2003). Towards a macroprudential framework for financial supervision and regulation?. *CESifo Economic Studies*, 49(2), 181–215.
- Boyd, J. H., Levine, R., & Smith, B. D. (2001). The impact of inflation on financial sector performance. *Journal of Monetary Economics*, 47(2), 221–248.
- Brandt, M. W., & Gao, L. (2019). Macro fundamentals or geopolitical events? A textual analysis of news events for crude oil. *Journal of Empirical Finance*, 51, 64–94.
- Brown, C. O., & Dinç, I. S. (2011). Too many to fail? Evidence of regulatory forbearance when the banking sector is weak. *The Review of Financial Studies*, 24(4), 1378–1405.
- Brunnermeier, M. K., & Pedersen, L. H. (2008). Market Liquidity and Funding Liquidity. *The Review of Financial Studies*, 22(6), 2201–2238. doi: 10.1093/rfs/hhn098
- Caldara, D., & Iacoviello, M. (2018). Measuring geopolitical risk. *International Finance Discussion Paper* (1222). doi: 10.17016/IFDP.2018.1222r1
- Cheng, C. H. J., & Chiu, C.-W. (2018). How important are global geopolitical risks to emerging countries?. *International Economics*, 156, 305–325. doi: 10.1016/j.inteco.2018.05.002
- Crockett, A. (1997). Why is financial stability a goal of public policy?. *Economic Review-Federal Reserve Bank of Kansas City*, 82, 5–22.
- Das, D., Kannadhasan, M., & Bhattacharyya, M. (2019). Do the emerging stock markets react to international economic policy uncertainty, geopolitical risk and financial stress alike?. *The North American Journal of Economics and Finance*, 48, 1–19. doi: 10.1016/j.najef.2019.01.008
- Davydov, D., Vähämaa, S., & Yasar, S. (2021). Bank liquidity creation and systemic risk. *Journal of Banking & Finance*, 123, 106031.
- De Haan, J., & Poghosyan, T. (2012a). Bank size, market concentration, and bank earnings volatility in the US. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 22(1), 35–54.
- De Haan, J., & Poghosyan, T. (2012b). Size and earnings volatility of US bank holding companies. *Journal of Banking & Finance*, 36(11), 3008–3016.
- Demir, E., & Danisman, G. O. (2021). The impact of economic uncertainty and geopolitical risks on bank credit. *The North American Journal of Economics and Finance*, 57, 101444.

- Demir, E., Díez-Esteban, J. M., & García-Gómez, C. D. (2019). The impact of geopolitical risks on cash holdings of hospitality companies: Evidence from emerging countries. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 39, 166–174. doi: 10.1016/j.jhtm.2019.04.004
- DeYoung, R., & Rice, T. (2004). Noninterest income and financial performance at U.S. Commercial Banks. *Financial Review*, 39(1), 101–127. doi: 10.1111/j.0732-8516.2004.00069.x
- Dietrich, A., & Wanzenried, G. (2011). Determinants of bank profitability before and during the crisis: Evidence from Switzerland. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 21(3), 307–327. doi: 10.1016/j.intfin.2010.11.002
- Fu, X., Lin, Y., & Molyneux, P. (2014). Bank competition and financial stability in Asia Pacific. *Journal of Banking & Finance*, 38, 64–77. doi: 10.1016/j.jbankfin.2013.09.012
- Hu, S., & Gong, D. (2019). Economic policy uncertainty, prudential regulation and bank lending. *Finance Research Letters*, 29, 373–378.
- Hyslop, D., & Morgan, T. (2014). Measuring terrorism with the global terrorism index. In Understanding Terrorism. *Contributions to Conflict Management, Peace Economics and Development*, 22, 97–114. doi:10.1108/S1572-8323(2014)0000022010
- Jiménez, G., Ongena, S., Peydró, J.-L., & Saurina, J. (2012). Credit supply and monetary policy: Identifying the bank balance-sheet channel with loan applications. *American Economic Review*, 102(5), 2301–2326.
- Kotcharin, S., & Maneenop, S. (2020). Geopolitical risk and corporate cash holdings in the shipping industry. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, 136, 101862. doi: 10.1016/j.tre.2020.101862
- Laeven, L., & Levine, R. (2009). Bank governance, regulation and risk taking. *Journal of Financial Economics*, 93(2), 259–275. doi: 10.1016/j.jfineco.2008.09.003
- Le, A.-T., & Tran, P. T. (2021). Does geopolitical risk matter for corporate investment? Evidence from emerging countries in Asia. *Journal of Multinational Financial Management*, 100703.
- Lee, C.-C., & Lee, C.-C. (2019). Oil price shocks and Chinese banking performance: Do country risks matter?. *Energy Economics*, 77, 46–53.
- Nguyen, T. C. (2021). Economic policy uncertainty and bank stability: Does bank regulation and supervision matter in major European economies?. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 74, 101387. doi: 10.1016/j.intfin.2021.101387
- Pathan, S. (2009). Strong boards, CEO power and bank risk-taking. *Journal of Banking & Finance*, 33(7), 1340–1350. doi: 10.1016/j.jbankfin.2009.02.001
- Phan, D. H. B., Tran, V. T., & Iyke, B. N. (2021). Geopolitical risk and bank stability. *Finance Research Letters*, 102453. doi: 10.1016/j.frl.2021.102453
- Sardo, F., & Serrasqueiro, Z. (2017). A European empirical study of the relationship between firms' intellectual capital, financial performance and market value. *Journal of Intellectual Capital*, 18(4), 771–788.

- Vinayak, H., Lee, G., Rajendran, K., & Sengupta, J. (2016). *Weathering the Storm: Asia-Pacific Banking Review*. McKinsey and Company. Retrieved from <https://www.mckinsey.com/industries/financial-services/our-insights/weathering-the-storm-asia-pacific-banking-review-2016>
- Võ Xuân Vinh, & Mai Xuân Đức. (2020). Tác động của sở hữu tập trung đến sự ổn định ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm từ các ngân hàng Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 215, 1–13.
- Wang, K.-H., Xiong, D.-P., Mirza, N., Shao, X.-F., & Yue, X.-G. (2021). Does geopolitical risk uncertainty strengthen or depress cash holdings of oil enterprises? Evidence from China. *Pacific-Basin Finance Journal*, 66, 101516.
- Zheng, C., & Cronje, T. (2019). The moderating role of capital on the relationship between bank liquidity creation and failure risk. *Journal of Banking & Finance*, 108, 105651.
- Zhou, L., Gozgor, G., Huang, M., & Lau, M. C. K. (2020). The impact of geopolitical risks on financial development: Evidence from emerging markets. *Journal of Competitiveness*, 12(1), 93–107.